

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST.

Ngày: 12 - 7 - 2023.

V/v tranh chấp chia tài sản chung
quyền sử dụng đất và tiền bồi thường
khi nhà nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Ông Nguyễn Hữu Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký HùngToà án nhân dân
huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần, Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST-DS ngày 23/6/2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất và tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Thị N, sinh năm 1945, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972 (con bà N), địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Đặng Văn T, sinh năm 1972; Đặng Văn C, sinh năm 1976; Đặng Bé N1, sinh năm 1985; Đặng Thị Ý, sinh năm 1991, cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Đặng Thị T1, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo uỷ quyền của Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng bé Năm,

Đặng Thị Ý: Đặng Thị T1. (Là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đặng Văn Đ và bà Đỗ Thị M).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trương Văn T2, sinh năm 1980, địa chỉ: khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo uỷ quyền: Trương Thị L, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Đặng Thị T3, 85 tuổi, địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, chị T1, chị L có mặt; những người còn lại vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: ông Đặng Ngọc M1 (chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị T4 (chết năm 1981) có 07 người con: Đặng Thị X (chết), Đặng Văn K (chết), Đặng Thị L1 (chết), Đặng Thị S (chết), Đặng Văn T5 (chết), Đặng Thị T3 và Đặng Thị N.

Ông M1 bà T4 có tạo lập 5.840m² đất thổ cư và 5.184m² đất ruộng và 01 căn nhà tại ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 1985, ông M1 cắt chia đất cho bà X, bà S, ông T5, mỗi người một phần đất đã cất nhà ở ổn định. Còn lại bà L1, bà T3 và bà N chưa được hưởng.

Ngày 15/3/1985 A, ông M1 lập tờ chúc ngôn để lại căn nhà cho cháu nội là Đặng Văn Đ (con ông Đặng Văn K) và 01 công đất từ Quốc lộ C trở vô. Còn phần đất từ Quốc lộ C trở ra hướng ngoài sông thì cho bà T3, bà L1 và bà N (nguyên đơn).

Đến năm 1994 thì ông Đ tự ý kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2008, ông Đ sang nhượng phần đất ruộng phía trong Quốc lộ C, có năn ni kêu bà N ký tên để chia cho phần đất ngoài Quốc lộ C (hướng ra bờ sông), có địa chính xã lên đo và xuống trụ đá ngang 8m dài 41m, diện tích 349m², nhưng sau đó ông Đ nhờ bỏ trụ đá và không đồng ý giao đất, không tách thửa theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp từ năm 2017, đến năm 2020 thì ông Đ chết.

Do ông M1 là cha có lập tờ chúc ngôn năm 1985, nhưng bà là người thừa kế một phần di sản nhưng không đồng ý và không có ký tên trong tờ chúc ngôn nhưng ông Đ tự ký kê khai hết đất không thuộc về mình, nên khởi kiện và tại phiên tòa yêu cầu được chia 285,5m², thuộc số thửa 4133, tờ bản đồ số 02.

Do phần đất tranh chấp đã được Nhà nước đền bù 01 phần để làm Quốc lộ C, nên yêu cầu được nhận tiền bồi thường là 70.721.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết và không có chứng cứ chứng minh tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đ đã bao chiếm lại phần đất đã giao theo thoả thuận.

Nguyên đơn xác định thửa đất 4133 là tài sản chung của cha mẹ để lại chưa chia nên yêu cầu chia và được hưởng phần diện tích 285,5m² theo đo đạc thực tế. Yêu cầu các con của ông Đ là T, C, T1, Năm, Ý giao đất.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đất này là của cha mẹ là ông Đặng Văn Đ và Đỗ Thị M2 chết để lại. Khi còn sống thì cha mẹ có sang nhượng phần đất tranh chấp cho ông T2 nhưng chưa sang tên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn T2: cho là đất đã nhận sang nhượng và trả đủ tiền xong nhưng chưa sang tên chuyển quyền và còn đang tranh chấp. Trong vụ án này không có ý kiến tranh chấp về hợp đồng sang nhượng và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên toà cho là nếu phải giao đất cho nguyên đơn thì việc sang nhượng đất giữa 02 bên sẽ bàn bạc sau, có gì sẽ kiện thành vụ án khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị T3 cho là không tranh chấp và cũng không có yêu cầu chia đất theo yêu cầu của bà N. Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, còn có cho cháu là ông Đ không thì không biết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung quyền sử dụng đất, diện tích 285,5m² thuộc sổ thửa 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu sang bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10); Các ông, bà: Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1 và Trương Văn T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10), đất tọa lạc xã P, huyện T, tại các mốc 2 – 3 – 4 – 5, diện tích đo đạc 285,5m² do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy CNQSDĐ cấp ngày 21/8/2017, trên đất có 01 cái trại dạng nhà nhấc tạm, 02 cây dừa và 01 cây xoài (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2022 kèm theo) và được nhận số tiền bồi thường 70.721.000

đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo tờ thoả thuận ngày 14/12/2022 và Biên lai thu ngày 16/12/2022).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà, nguyên đơn khẳng định chỉ tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ để lại và được nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất mở rộng Quốc lộ C. Do đó, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp chia tài sản chung quyền sử dụng đất và tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất”, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà, các đương sự thống nhất và thừa nhận:

Ông Đặng Ngọc M1 chết năm 1987, bà Nguyễn Thị T4 chết năm 1981.

Ông M1, bà T4 có 07 người con, trong đó 05 người đã chết là X, K, L1, S, T5, còn lại 02 người còn sống là N (nguyên đơn) và T3 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Các con của những người đã chết hiện không rõ ở đâu và cũng không xác định được địa chỉ cụ thể.

Ông Đ là con của ông K. Ông Đ và bà M2 đều đã chết, còn lại các con là các bị đơn: Tầy, C, Năm, Ý, T1.

Năm 1985, ông M1 có viết tờ chúc ngôn để phân chia tài sản.

[3] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá như sau: diện tích tranh chấp 285,5m², thuộc 01 phần các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10.

Theo văn bản số: 106/CNVPĐKĐĐHTN-HCTH ngày 10/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T: Thửa đất số 6 và 10 cùng tờ bản đồ số 10 đối chiếu sang bản đồ 299 là thửa đất 4133, tờ bản đồ số 02, do hộ ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy CNQSDĐ, chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp đối với giấy CNQSDĐ nêu trên.

Ông Đặng Văn Đ được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ lần đầu ngày 12/11/1994, sau đó làm thủ tục tách thửa và được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp giấy CNQSDĐ ngày 21/8/2017.

Phần đất tranh chấp, các đương sự thống nhất giá trị: 700.000đ/m².

Trên đất tranh chấp có 01 cái trại dạng nhà nhấc tạm, giá trị thống nhất là 4.000.000đ, của chị Đặng Thị T1 cất để bán nướcv, hiện không sử dụng. Ngoài ra trên đất còn 02 cây dừa và 01 cây xoài, các đương sự thống nhất không tranh chấp, Toà án giải quyết đất thuộc ai về người đó tự di dời.

Theo tờ chúc ngôn ngày 15/3/1985Al thể hiện: “Cái nhà làm phủ thờ, giao ông Đ ở thờ cúng, không được bán. Đất từ trục lộ 30 trở ra tôi đã cắt phần cho mỗi đứa xong, cây cối ai trồng thì nấy ăn, còn riêng cây tôi trồng thì thằng Đ ở trong nhà được hưởng. Phía dưới có ghi Đặng Thị X, Đặng Thị X1, Đặng Văn T5 có phần rồi”.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Toà án chỉ giải quyết theo yêu cầu của đương sự. Tại phiên toà nguyên đơn tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất là do ông M1 tạo lập, sau khi chết thì ông Đ đi đăng ký và được cấp giấy CNQSDĐ lần đầu. Theo quy định thì sau khi kết thúc thời hạn về quyền thừa kế kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Còn trong vụ án này, khi còn sống và phát sinh tranh chấp thì ông Đ cho là tài sản quyền sử dụng đất là của ông, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là tài sản chung.

Tại phiên toà, nguyên đơn cho là Tờ chúc ngôn do ông M1 lập, bà không có ký tên, nên không có giá trị pháp lý, Lý lẽ này là chưa phù hợp, bởi lẽ việc ông M1 viết tờ di chúc để lại tài sản khi còn sống là theo nguyện vọng của ông, tài sản của ông do ông định đoạt, không cần được sự đồng ý của người khác hoặc các con. Ông để lại tài sản cho ai thì người đó hưởng, nên việc nguyên đơn không có phần thừa kế di sản trong tờ chúc ngôn thì cho là tờ chúc ngôn không có chữ ký của bà là không hợp pháp là chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, tuy nguồn gốc đất của ông M1 để lại, nhưng ông Đ đã được cấp giấy và có tranh chấp không đồng ý thừa nhận di sản của ông M1 để lại chưa chia, nên phần đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu không phải là tài sản chung của các thừa kế. Mặt khác, tại phiên toà, phía nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là tài sản chung chưa chia, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Trong phần đất tranh chấp, có 01 phần đã được UBND huyện T ra quyết định thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ C đoạn C - Hồ N (đoạn qua địa bàn xã P) với số tiền 70.721.000đồng. Theo tờ thoả thuận ngày 14/12/2022 thì các đương sự thống nhất giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông tạm quản

lý số tiền này, chờ Toà án giải quyết. Xét thấy do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung và UBND huyện thu hồi đất của hộ ông Đ, nay ông Đ đã chết, nên yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông giao số tiền bồi thường cho những người thừa kế của ông Đ là các bị đơn trong vụ án là phù hợp.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của bà N không được chấp nhận, nên bà phải chịu chi phí này (Bà đã nộp xong theo biên bản nghiêm thu, thanh lý hợp đồng đo đạc ngày 27/3/2023, số tiền 2.085.000đ).

[6] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 7 Điều 27, Điều 12, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do bà N là người cao tuổi, được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và Hội đồng xét xử không xử lý tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 219, 612, 623, 624, 630, 643 của Bộ luật dân sự; Điều 12, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung quyền sử dụng đất, diện tích 285,5m² thuộc số thửa 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu sang bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10).

- Các ông, bà: Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1 và Trương Văn T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 4133, tờ bản đồ số 02 (đối chiếu bản đồ chính quy là các thửa số 6, 10, tờ bản đồ số 10), đất tọa lạc xã P, huyện T, tại các mốc 2 – 3 – 4 – 5, diện tích đo đạc 285,5m² do ông Đặng Văn Đ đứng tên giấy CNQSDĐ cấp ngày 21/8/2017, trên đất có 01 cái trại dạng nhà nhắc tạm, 02 cây dừa và 01 cây xoài (Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 12/10/2022 kèm theo) và được nhận số tiền bồi thường 70.721.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông (Theo tờ thoả thuận ngày 14/12/2022 và Biên lai thu ngày 16/12/2022).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: bà Đặng Thị N chịu chi phí và đã nộp thanh lý hợp đồng xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Bé N1, Đặng Thị Ý, Đặng Thị T1, Trương Văn T2, Đặng Thị T3 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Đặng Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn